



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Chu Quang Vũ	Thành viên (từ ngày 11/4/2024)
Ông Đặng Ngọc Khánh	Thành viên (từ ngày 11/4/2024)	
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Việt Thắng	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Trần Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 18 tháng 12 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Nguyễn Văn Linh, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty là 10.247.400 triệu VND (2023: 2.487.832 triệu VND).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Báo cáo tài chính riêng này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 24 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

|| C / Y / H / G / ||



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00117-25-1



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.015.072.291.199	1.952.862.915.275
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	319.257.876.941	140.727.541.395
Tiền	111		46.457.876.941	46.727.541.395
Các khoản tương đương tiền	112		272.800.000.000	94.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		281.046.575.342	1.723.200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	11.1	281.046.575.342	1.723.200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		382.019.681.921	60.797.808.095
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	146.311.178.378	21.408.154.792
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.125.157.288	5.158.517.332
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6.1	196.900.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7.1	19.683.346.255	34.231.135.971
Hàng tồn kho	140		721.931.618	-
Hàng tồn kho	141		721.931.618	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.026.225.377	28.137.565.785
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.1	29.956.239.110	26.599.963.581
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		922.876.465	1.111.952.104
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	14	1.147.109.802	425.650.100

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		80.778.004.224.445	70.033.739.172.711
Các khoản phải thu dài hạn	210		23.095.000.000	238.495.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6.2	19.000.000.000	234.400.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	7.2	4.095.000.000	4.095.000.000
Tài sản cố định	220		67.613.461.560	89.971.855.877
Tài sản cố định hữu hình	221	8	59.554.496.946	79.533.592.271
<i>Nguyên giá</i>	222		186.037.992.716	190.164.283.764
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(126.483.495.770)	(110.630.691.493)
Tài sản cố định vô hình	227	9	8.058.964.614	10.438.263.606
<i>Nguyên giá</i>	228		29.362.833.440	30.402.518.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(21.303.868.826)	(19.964.255.234)
Bất động sản đầu tư	230	10	92.443.046.398	105.404.399.206
<i>Nguyên giá</i>	231		259.227.056.200	259.227.056.200
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(166.784.009.802)	(153.822.656.994)
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.560.498.118	878.040.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.560.498.118	878.040.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250		80.585.847.420.000	69.595.845.000.000
Đầu tư vào công ty con	251	11.2	80.585.847.420.000	69.595.845.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.444.798.369	3.144.877.628
Chi phí trả trước dài hạn	261	12.2	3.444.798.369	3.144.877.628
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.793.076.515.644	71.986.602.087.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.012.889.937.592	1.185.506.910.198
Nợ ngắn hạn	310		1.012.889.937.592	1.185.506.910.198
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	20.302.825.821	33.188.675.961
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	11.898.040.627	16.679.109.917
Phải trả người lao động	314		8.110.460.639	3.592.060.863
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		480.866.916	111.111.111
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.151.245.281	3.203.074.994
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	30.484.725.723	10.118.430.068
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	938.461.772.585	1.118.614.447.284
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		80.780.186.578.052	70.801.095.177.788
Vốn chủ sở hữu	410	17	80.780.186.578.052	70.801.095.177.788
Vốn cổ phần	411	18	63.962.502.000.000	58.147.857.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		63.962.502.000.000	58.147.857.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	3.211.560.416.270
Quỹ đầu tư phát triển	418		788.437.800.829	790.996.872.665
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.029.246.777.223	8.650.680.888.853
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		5.781.846.305.123	6.162.848.673.052
- LNST năm nay	421b		10.247.400.472.100	2.487.832.215.801
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		81.793.076.515.644	71.986.602.087.986

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	336.844.707.581	269.467.756.141
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	6.209.729	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	21	336.838.497.852	269.467.756.141
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	269.171.569.626	146.763.958.005
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		67.666.928.226	122.703.798.136
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.300.211.056.695	2.753.142.716.506
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			10.242.531.132.203	2.483.067.264.236
Chi phí tài chính	22		-	144.038.087.651
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	143.338.073.560
Chi phí bán hàng	25		3.114.692	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	121.220.079.522	225.534.330.363
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.246.654.790.707	2.506.274.096.628
Thu nhập khác	31		1.951.218.294	28.935.633
Chi phí khác	32		1.205.536.901	34.837.319
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		745.681.393	(5.901.686)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10.247.400.472.100	2.506.268.194.942
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	18.435.979.141
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		10.247.400.472.100	2.487.832.215.801

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		10.247.400.472.100	2.506.268.194.942
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		46.967.781.999	45.308.133.675
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.301.070.080.046)	(2.803.442.699.157)
Chi phí lãi vay	06		-	143.338.073.560
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(6.701.825.947)	(108.528.296.980)
Biến động các khoản phải thu	09		(132.029.837.271)	79.616.522.447
Biến động hàng tồn kho	10		(721.931.618)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		23.893.666.896	25.497.421.925
Biến động chi phí trả trước	12		(3.656.196.270)	(5.182.657.492)
			(119.216.124.210)	(8.597.010.100)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(157.293.449.116)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(16.980.955.505)	(1.455.023.636)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		447.272.727	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(448.222.923.807)	(297.732.043.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(583.972.730.795)	(465.077.526.761)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(18.154.148.691)	(23.651.952.126)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		1.951.217.372	144.338.649.013
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.774.796.575.342)	(3.138.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		3.235.450.000.000	7.342.421.643.835
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(11.290.000.000.000)	(6.500.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		299.997.580.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		10.308.153.462.002	6.474.573.696.735
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		762.601.535.341	4.299.482.037.457

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2024	2023
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	760.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(4.593.307.693.293)
Tiền trả cổ tức	36		(98.469.000)	(48.500.349)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(98.469.000)	(3.833.356.193.642)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		178.530.335.546	1.048.317.054
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		140.727.541.395	139.679.224.341
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	319.257.876.941	140.727.541.395

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởngNguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1 Đơn vị báo cáo

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

1.2 Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, quảng cáo, mua bán các sản phẩm thép và đầu tư tài chính.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

1.4 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 5 công ty con cấp 1 (1/1/2024: 5 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 11.2.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 154 nhân viên (1/1/2024: 127 nhân viên).

2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

2.2 Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

3 Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(b) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong năm.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nhân viên, chi phí khấu hao, các chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 6 – 10 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3.7 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

3.8 Bất động sản đầu tư cho thuê

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.10 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

3.11 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.12 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần giá phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3.14 Doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(b) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(c) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

3.15 Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

3.17 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4 Tiền và các khoản tương đương tiền

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	383.305.265	597.141.307
Tiền gửi ngân hàng	46.074.571.676	46.130.400.088
Các khoản tương đương tiền	272.800.000.000	94.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	319.257.876.941	140.727.541.395
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn gốc là 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% đến 4,75% (1/1/2024: 2,3% đến 3,0%) một năm.

4.2 Tiền bằng ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	407	9.308.701	446	10.224.846
		<hr/>		<hr/>

5 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty con		
Công ty Cổ phần Hòa Phát Thép Dung Quất	47.286.718.243	66.465.295
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Hải Dương	34.925.040.272	5.595.505.660
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	18.650.783.837	29.867.061
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	14.159.326.127	3.234.135.533
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	11.881.185.962	5.653.738.361
Các bên liên quan khác	18.410.819.691	6.824.064.225
Bên khác		
Các khách hàng khác	997.304.246	4.378.657
	<hr/>	<hr/>
	146.311.178.378	21.408.154.792
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6 Phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn

6.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	195.400.000.000	-
Công ty CP Thương mại và Sản xuất Châu Đức	1.500.000.000	-
	196.900.000.000	-

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Các khoản cho vay này hưởng mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại.

6.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm	31/12/2024	1/1/2024
	đáo hạn	VND	VND
Bên liên quan			
<i>Công ty con</i>			
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	2027	19.000.000.000	-
Công ty CP Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam	2024	-	79.400.000.000
Công ty TNHH Phụ Kiện Cơ Khí Hoà Phát	2024	-	40.000.000.000
Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát	2024	-	115.000.000.000
		19.000.000.000	234.400.000.000

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Các khoản cho vay này hưởng mức lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn của ngân hàng thương mại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7 Phải thu khác

7.1 Phải thu ngắn hạn khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo khoản mục:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền lãi dự thu	9.885.086.632	15.579.911.768
Phải thu từ thanh toán hộ bên liên quan	7.548.363.443	16.886.609.540
Phải thu khác	2.249.896.180	1.764.614.663
	19.683.346.255	34.231.135.971
	19.683.346.255	34.231.135.971

(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác chi tiết theo đối tượng:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty con	7.548.363.443	16.886.609.540
Bên khác		
Các bên khác	12.134.982.812	17.344.526.431
	19.683.346.255	34.231.135.971
	19.683.346.255	34.231.135.971

Khoản phải thu khác từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi được yêu cầu.

7.2 Phải thu dài hạn khác

Phải thu dài hạn khác bao gồm các khoản ký quỹ, ký cược có thời gian thu hồi trên 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	6.884.450.941	5.962.725.845	80.067.351.463	97.249.755.515	190.164.283.764
Tăng trong năm	-	744.186.573	10.485.704.000	2.241.800.000	13.471.690.573
Thanh lý và xóa sổ	(1.197.155.298)	-	(11.371.677.034)	(5.029.149.289)	(17.597.981.621)
Số dư cuối năm	5.687.295.643	6.706.912.418	79.181.378.429	94.462.406.226	186.037.992.716
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.031.040.831	5.065.615.958	46.277.322.365	55.256.712.339	110.630.691.493
Khấu hao trong năm	618.611.918	279.839.302	10.875.853.851	20.584.375.128	32.358.680.199
Thanh lý và xóa sổ	(723.442.224)	-	(10.757.007.055)	(5.025.426.643)	(16.505.875.922)
Số dư cuối năm	3.926.210.525	5.345.455.260	46.396.169.161	70.815.660.824	126.483.495.770
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.853.410.110	897.109.887	33.790.029.098	41.993.043.176	79.533.592.271
Số dư cuối năm	1.761.085.118	1.361.457.158	32.785.209.268	23.646.745.402	59.554.496.946

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 38.860 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 48.842 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.755.408.500	27.647.110.340	30.402.518.840
Xóa sổ	-	(1.039.685.400)	(1.039.685.400)
Số dư cuối năm	2.755.408.500	26.607.424.940	29.362.833.440
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	19.964.255.234	19.964.255.234
Khấu hao trong năm	-	2.379.298.992	2.379.298.992
Xóa sổ	-	(1.039.685.400)	(1.039.685.400)
Số dư cuối năm	-	21.303.868.826	21.303.868.826
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.755.408.500	7.682.855.106	10.438.263.606
Số dư cuối năm	2.755.408.500	5.303.556.114	8.058.964.614

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản với nguyên giá 17.865 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2024: 18.904 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	259.227.056.200
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	153.822.656.994
Khấu hao trong năm	12.961.352.808
Số dư cuối năm	166.784.009.802
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	105.404.399.206
Số dư cuối năm	92.443.046.398

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11 Các khoản đầu tư tài chính

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	281.046.575.342	281.046.575.342	1.723.200.000.000	1.723.200.000.000

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng, hưởng lãi suất từ 4,6% đến 5,4%/năm (1/1/2024: từ 5,5% đến 9,2%/năm).

11.2 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2024		1/1/2024	
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (i)	99,999%	99,999%	99,999%	99,999%
Công ty CP Gang thép Hòa Phát (ii)	99,999%	99,999%	99,988%	99,988%
Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát (iii)	99,996%	99,996%	99,994%	99,994%
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát (iv)	99,971%	99,971%	99,967%	99,967%
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát	99,900%	99,900%	99,900%	99,900%
		2.799.977.420.000	3.099.975.000.000	3.099.975.000.000
		61.609.220.000.000	53.999.220.000.000	53.999.220.000.000
		8.379.650.000.000	5.499.650.000.000	5.499.650.000.000
		6.798.000.000.000	5.998.000.000.000	5.998.000.000.000
		999.000.000.000	999.000.000.000	999.000.000.000
		80.585.847.420.000 (*)	69.595.845.000.000 (*)	69.595.845.000.000 (*)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Ngày 26 tháng 4 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết giảm vốn góp 299.997.580.000 VND vào Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thu hồi đủ khoản giảm vốn đầu tư này.
- (ii) Ngày 11 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 5.800.000.000.000 VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp đủ vốn bổ sung đã cam kết.

Ngày 3 tháng 12 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp thêm 2.000.000.000.000 VND vào Công ty CP Gang thép Hòa Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp 1.810.000.000.000 VND trên tổng vốn bổ sung đã cam kết. Số vốn còn lại đã được góp trong tháng 1 năm 2025.

- (iii) Ngày 20 tháng 6 năm 2024 và ngày 21 tháng 10 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 2.380.000.000.000 VND và 500.000.000.000 VND vào Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp đủ vốn bổ sung đã cam kết.
- (iv) Ngày 5 tháng 7 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua nghị quyết tăng vốn góp 880.000.000.000 VND vào Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã góp đủ vốn bổ sung đã cam kết.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

12 Chi phí trả trước

12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi phí quảng cáo	11.387.732.869	7.956.026.000
Chi phí thuê văn phòng	13.709.655.910	15.370.685.679
Chi phí khác	4.858.850.331	3.273.251.902
	<hr/>	<hr/>
	29.956.239.110	26.599.963.581
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.247.122.178	716.568.954	181.186.496	3.144.877.628
Tăng trong năm	2.163.381.920	525.518.314	195.445.926	2.884.346.160
Phân bổ trong năm	(2.193.173.255)	(253.489.855)	(137.762.309)	(2.584.425.419)
Số dư cuối năm	2.217.330.843	988.597.413	238.870.113	3.444.798.369

13 Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
Các công ty con	756.089.915	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Truyền thông Thiên Hy Long Việt Nam	1.985.558.283	228.749.711
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Trí Việt	1.670.959.210	1.786.533.520
Công ty Cổ phần Thương mại In Nhật Nam	-	4.247.069.658
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quảng cáo Song Thành công	1.608.500.000	2.020.340.000
Các nhà cung cấp khác	14.281.718.413	24.905.983.072
	20.302.825.821	33.188.675.961

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14 Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2024		Số phát sinh trong năm		31/12/2024	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp/bù trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	425.650.100	-	17.884.435.635	(8.743.425.190)	425.650.100	9.141.010.445
Thuế thu nhập cá nhân	-	419.614.114	28.676.521.897	(26.339.105.829)	-	2.757.030.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.259.495.803	-	(16.980.955.505)	721.459.702	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	-	37.730.490	(37.730.490)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	503.142.305	(503.142.305)	-	-
Thuế, phí khác	-	-	7.000.000	(7.000.000)	-	-
	425.650.100	16.679.109.917	47.108.830.327	(52.611.359.319)	1.147.109.802	11.898.040.627

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Cổ tức phải trả	751.793.631	850.262.631
Phải trả khác	29.732.932.092	9.268.167.437
	30.484.725.723	10.118.430.068

16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.118.614.447.284	1.404.846.516.798
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	265.750.000.000	-
Sử dụng trong năm	(445.902.674.699)	(286.232.069.514)
	938.461.772.585	1.118.614.447.284

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17 Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	803.140.822.060	6.162.848.673.052	68.325.406.911.382
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.487.832.215.801	2.487.832.215.801
Sử dụng trong năm	-	-	(12.143.949.395)	-	(12.143.949.395)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	58.147.857.000.000	3.211.560.416.270	790.996.872.665	8.650.680.888.853	70.801.095.177.788
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	10.247.400.472.100	10.247.400.472.100
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 19)	5.814.645.000.000	(3.211.560.416.270)	-	(2.603.084.583.730)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(265.750.000.000)	(265.750.000.000)
Sử dụng trong năm	-	-	(2.559.071.836)	-	(2.559.071.836)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	63.962.502.000.000	-	788.437.800.829	16.029.246.777.223	80.780.186.578.052

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18 Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của vốn cổ phần trong năm như sau:

	2024		2023	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	5.814.785.700	58.147.857.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	581.464.500	5.814.645.000.000	-	-
Số dư cuối năm	6.396.250.200	63.962.502.000.000	5.814.785.700	58.147.857.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19 Cổ tức

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 cho các cổ đông từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo tỷ lệ 10% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 1 cổ phiếu phát hành thêm). Phương án chi trả cổ tức này đã được Hội đồng Quản trị Công ty ra nghị quyết thực hiện vào ngày 23 tháng 4 năm 2024. Ngày 3 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng việc phát hành cổ phiếu.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này. Theo đó, số lượng chứng khoán niêm yết thêm là 581.464.500 cổ phiếu.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 36, trong đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 58.147.857.000.000 VND lên 63.962.502.000.000 VND do kết quả của việc phát hành cổ tức để trả cổ phiếu nói trên.

20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	79.641.176.916	49.036.792.980
Trong vòng hai đến năm năm	164.022.488.314	207.860.483.170
Sau năm năm	92.683.774.038	154.971.391.970
	<hr/>	<hr/>
	336.347.439.268	411.868.668.120

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện dịch vụ đã cung cấp và doanh thu cho thuê tài sản không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	2024	2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Cung cấp dịch vụ	293.239.885.880	94.813.792.505
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	43.604.821.701	174.653.963.636
	<hr/>	<hr/>
	336.844.707.581	269.467.756.141
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(6.209.729)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	336.838.497.852	269.467.756.141

22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024	2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Dịch vụ đã cung cấp	256.210.216.818	78.946.450.831
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	12.961.352.808	67.817.507.174
	<hr/>	<hr/>
	269.171.569.626	146.763.958.005

23 Doanh thu hoạt động tài chính

	2024	2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	57.679.836.170	228.721.258.340
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	10.242.531.132.203	2.483.067.264.236
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.322	41.354.193.930
	<hr/>	<hr/>
	10.300.211.056.695	2.753.142.716.506

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.675.535.920	36.183.988.796
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	1.254.509.832	6.821.208.587
Chi phí khấu hao	21.861.775.846	29.557.989.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.565.317.736	78.610.191.465
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	999.000.000	979.000.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	38.863.940.188	73.381.951.791
	121.220.079.522	225.534.330.363

25 Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	47.304.489.908	36.183.988.796
Chi phí khấu hao và phân bổ	46.967.781.999	45.308.133.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.035.880.137	164.101.746.175
Chi phí khác	48.083.497.104	126.704.419.722

26 Thuế thu nhập

26.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	-	18.435.979.141

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.247.400.472.100	2.506.268.194.942
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.049.480.094.420	501.253.638.988
Chi phí không được khấu trừ	9.123.413.973	13.754.333.439
Thu nhập không chịu thuế	(2.048.506.226.441)	(496.613.452.847)
Lỗi tính thuế chưa được ghi nhận	-	41.459.561
Lỗi tính thuế được sử dụng	(10.097.281.952)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	18.435.979.141

26.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	31/12/2024		1/1/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	75.939.930.709	15.187.986.142	126.426.340.472	25.285.268.094

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	75.732.632.905
2028	Chưa quyết toán	207.297.804
		75.939.930.709

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích tính thuế của khoản mục đó.

26.4 Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27 Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty con		
Công ty CP Gang thép Hòa Phát		
Góp vốn	7.610.000.000.000	6.500.000.000.000
Lợi nhuận được chia từ công ty con	3.646.320.201.663	1.073.229.240.558
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	3.646.320.201.663	3.003.229.240.558
Công ty CP Sản phẩm Thép Hòa Phát		
Góp vốn	2.880.000.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	4.510.643.271.492	1.386.503.080.705
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	4.510.643.271.492	2.386.503.080.705
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát		
Góp vốn	800.000.000.000	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	961.823.891.722	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	961.823.891.722	370.000.000.000
Công ty CP Điện máy Gia dụng Hòa Phát		
Lợi nhuận được chia từ công ty con	81.210.205.656	8.334.942.973
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	81.210.205.656	58.334.942.973
Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát		
Rút vốn	299.997.580.000	-
Lợi nhuận được chia từ công ty con	1.042.533.561.670	15.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	1.042.533.561.670	315.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	758.333.333	1.243.750.000
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông		
Cung cấp dịch vụ	4.375.488.108	1.846.883.153
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương		
Cung cấp dịch vụ	73.467.756.587	25.932.117.255
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất		
Cung cấp dịch vụ	101.828.233.454	15.698.269.137
Các khoản cho vay	-	50.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	177.000.000.000
Các khoản vay	-	450.000.000.000
Thanh toán khoản vay	-	450.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<i>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</i>		
Cung cấp dịch vụ	30.975.593.090	21.453.699.642
<i>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	31.396.438.590	14.250.342.723
Các khoản cho vay	840.000.000.000	320.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	840.000.000.000	320.000.000.000
Các khoản vay	-	184.400.000.000
Thanh toán khoản vay	-	184.400.000.000
<i>Công ty TNHH Tôn Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	28.617.683.815	20.278.313.618
<i>Công ty TNHH Chế tạo kim loại Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.086.037.675	2.465.775.870
Bán tài sản cố định	723.944.645	-
<i>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	21.518.566.909	3.879.677.933
Mua hàng hóa dịch vụ	24.030.000	1.472.727
<i>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.795.568.033	2.655.071.349
<i>Công ty CP Vận tải biển Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.069.531.302	115.564.590
Các khoản cho vay	-	310.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	115.000.000.000	935.000.000.000
<i>Công ty TNHH MTV Ống Thép Hòa Phát Bình Dương</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.090.921.605	-
<i>Công ty TNHH MTV Ống thép Hòa Phát Long An</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.262.306	-
<i>Công ty CP Sản phẩm thép Hòa Phát Long An</i>		
Cung cấp dịch vụ	617.709	-
<i>Công ty TNHH Harmonia</i>		
Mua hàng hóa dịch vụ	394.810.671	322.133.434
<i>Công ty TNHH Thép dây Hòa Phát</i>		
Cung cấp dịch vụ	83.940.429	97.623.061
Các khoản cho vay	6.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	6.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	2.513.721	-
Công ty TNHH MTV Thép dự ứng lực Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	767.773.550	42.718.434
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	57.000.000.000
Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát		
Các khoản vay	-	75.600.000.000
Thanh toán khoản vay	-	75.600.000.000
Công ty CP Golden Gain Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	131.425.118	125.008.758
Công ty CP Xây dựng Long Việt		
Cung cấp dịch vụ	3.391.685.565	2.669.801.236
Mua hàng hóa dịch vụ	929.119.500	926.722.500
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	2.357.098.454	1.854.170.978
Công ty CP Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát		
Cung cấp dịch vụ	7.279.188.293	3.020.603.949
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên		
Cung cấp dịch vụ	4.493.955.293	1.496.106.140
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ	1.061.049.416	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình		
Các khoản cho vay	-	70.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	358.200.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Hùng		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	145.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước		
Cung cấp dịch vụ	-	90.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Thái Thụy		
Các khoản cho vay	-	10.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	10.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ		
Các khoản cho vay	100.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	81.000.000.000	60.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	1.830.102.140	1.447.995.382
Bán tài sản	181.818.182	-
Mua hàng hóa dịch vụ	82.917.000	75.678.300
Công ty TNHH Chăn nuôi Đồng Phát		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	83.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Châu Đức		
Các khoản cho vay	44.500.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	43.000.000.000	-
Cung cấp dịch vụ	16.575.348	-
Công ty CP Sản xuất Container Hòa Phát		
Các khoản cho vay	-	30.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	30.000.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	61.453.193	114.474.550
Các khoản vay	-	50.000.000.000
Thanh toán khoản vay	-	50.000.000.000
Công ty CP Phát triển Bất động sản Hòa Phát Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	509.545.455	-
Công ty Cổ phần Điện máy gia dụng Hòa Phát Hà Nam		
Các khoản cho vay	191.000.000.000	183.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	75.000.000.000	111.000.000.000
Cung cấp dịch vụ	4.363.430.424	3.271.803.519
Mua hàng hóa dịch vụ	1.720.767.187	56.011.966
Công ty cổ phần Điện lạnh Hòa Phát Phú Mỹ		
Các khoản cho vay	-	25.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	407.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thành phố mới		
Cung cấp dịch vụ		
Mua hàng hóa dịch vụ	4.250.545.454	702.206.981
Công ty TNHH Phụ kiện cơ khí Hòa Phát		
Nhận thanh toán gốc cho vay	40.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Thành viên của Hội đồng Quản trị		
Thù lao	244.720.000.000	66.220.000.000
Thành viên của Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	5.736.682.000	3.591.800.000
Thành viên của Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng	3.249.375.165	2.516.589.890
Cán bộ quản lý chủ chốt khác		
Lương và thưởng	1.848.785.128	1.193.588.360

28 Thông tin so sánh

Thông tin sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Trần Xuân Mai
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Thắng
Tổng Giám đốc

